

Bản án số: 42/2021/DS-ST.

Ngày: 24 - 11 - 2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức TD – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị ĐT - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh N (Theo Quyết định v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28-12-2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc V – Chuyên viên quản lý nợ, Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh N (Theo Giấy ủy quyền số 40/2021/GUQ-CNNT ngày 23-3-2021 v/v tham gia tố tụng và thi hành án) (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông Dương Tấn L - sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 01, phường V, thành phố P, tỉnh N.

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 25, Phân trại số 2, Trại giam S; huyện B, tỉnh N (*Có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-3-2021 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc V trình bày:

Ngày 28-01-2013 ông Dương Tấn L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*Viết tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nội địa Family (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng tín dụng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) lãi suất 2,5%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Dương Tấn L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.950.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Dương Tấn L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Dương Tấn L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.097.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Dương Tấn L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Dương Tấn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày ngày 22-9-2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 18.150.457 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 24-11-2021, ông Dương Tấn L còn nợ tổng cộng 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín*

đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 18.150.457 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 42.857.632 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ còn thiếu 18.150.457 đồng với lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng (2,5% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại là 1889 ngày. Lãi suất quá hạn được tính như sau:

* Lãi suất 1 ngày là: $18.150.457 \text{ đồng} \times (2,5\% \times 150\%) : 30 \text{ ngày} = 22.688 \text{ đồng}$.

* Lãi quá hạn là: $22.688 \text{ đồng} \times 1889 \text{ ngày} = 42.857.632 \text{ đồng}$.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Dương Tấn L, yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Dương Tấn L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, ông V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Dương Tấn L phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24-11-2021 là 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) trong đó dư nợ gốc còn thiếu là 18.150.457 đồng; số tiền lãi quá hạn là 42.857.632 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25-11-2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 09-10-2021, bị đơn là ông Dương Tấn L trình bày:

Trước đây ông Dương Tấn L công tác tại Huyện ủy huyện N và có nhu cầu mở thẻ tín dụng. Bởi vậy vào ngày 28-01-2013 ông L có ký Hợp đồng Sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Thời điểm ký Hợp đồng Sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng thì ông L được cấp hạn mức sử dụng (vay) số tiền là 25.000.000 đồng. Tiền đã được Ngân hàng chuyển vào số tài khoản của thẻ tín dụng. Lãi suất 2,5%/tháng, mục đích là để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông L đã thực hiện giao dịch (rút tiền) là 24.950.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 31.097.000 đồng. Sau đó vì nhiều lý do nên ông L không có thu nhập nên không trả tiền cho Ngân hàng nữa.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền tạm tính đến ngày 23-3-2021 là 55.404.153 đồng (*Năm mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, một trăm năm mươi ba đồng*); Trong đó: Số tiền gốc là 18.150.457 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 37.253.696 đồng và buộc có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24-3-2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng thì ông L đồng ý trả.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Dương Tấn L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24-11-2021 là 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) trong đó dư nợ gốc còn thiếu là 18.150.457 đồng; số tiền lãi quá hạn là 42.857.632 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 25-11-2021 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Tấn L phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Dương Tấn L có nơi cư trú tại khu phố 01, phường V, thành phố P, tỉnh N nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong “Đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 19/9/2021, ông Dương Tấn L xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ lời khai của các bên đương sự; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 28-01-2013, ông Dương Tấn L ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) với Ngân hàng để được cấp hạn mức sử dụng (vay) số tiền là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi ký hợp đồng, ông L đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền vay. Như vậy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Dương Tấn L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của

pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì ông L đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20-02-2013 với số tiền 24.950.000 đồng và đến khi ngưng thanh toán (ngày 22-7-2016) đã trả Ngân hàng số tiền 31.097.000 đồng. Ông L cũng có lời khai thừa nhận có vay của Ngân hàng nhưng vì nhiều lý do nên không có thu nhập bởi vậy chưa trả được hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2]. *Về lãi suất*: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; ông L đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng từ ngày thực hiện giao dịch rút tiền đến ngày 22-7-2016 mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 22-9-2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ là số tiền 18.150.457 sang nợ quá hạn là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. *Về phí, phí dịch vụ thẻ*: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Dương Tấn L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1, khoản 3 Điều 6 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15-5-2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng và phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30-6-2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4]. Với các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Tấn L trả số tiền 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) trong đó dư nợ gốc còn thiếu là 18.150.457 đồng; số tiền lãi quá hạn là 42.857.632 đồng **phát sinh từ** Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S); ông L cũng có lời khai thừa nhận có vay của Ngân hàng, đồng ý toàn bộ yêu cầu trả gốc và lãi của Ngân hàng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. *Đối với yêu cầu*: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Dương Tấn L còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 25-11-2021 theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến

khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S); phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và ông Dương Tấn L cũng đồng ý với yêu cầu này của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Ngân hàng yêu cầu ông Dương Tấn L trả **số tiền** 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Dương Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **là 3.050.000 (Đã làm tròn) (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)**.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Dương Tấn L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng **là** 61.008.089 đồng (*Sáu mươi một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) trong đó dư nợ gốc còn thiếu là 18.150.457 đồng; số tiền lãi quá hạn là 42.857.632 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm - ngày 25-11-2021, ông Dương Tấn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S), ngày 28-01-2013 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Dương Tấn L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Dương Tấn L phải chịu 3.050.000 (Đã làm tròn) (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.385.000 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025615 ngày 12-4-2021 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P, tỉnh N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-11-2021). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Vũ Thị Hồng